

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 260/2022/HC-PT

Ngày: 21/11/2022

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: ông **Trương Công Thi**

ông **Lê Phước Thanh**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:** bà **Trần Thị Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 174/2022/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2022/HC-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm: 1982.

Địa chỉ liên hệ: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đ – Phó Chủ tịch UBND huyện S, Theo Văn bản ủy quyền số 780/QĐ-UBND ngày 26/4/2022, có mặt.

Địa chỉ trụ sở làm việc: Quốc lộ 24B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Văn H Đ – Phó Chủ tịch UBND xã T, theo Văn bản ủy quyền số 117/TB-UBND ngày 11/7/2022, có mặt.

Địa chỉ trụ sở: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm: 1970, có Đơn xin xét xử vắng mặt.
- Ông Nguyễn Quang T, sinh năm: 1975, có mặt.
- Ông Nguyễn Quang B, sinh năm: 1979, có Đơn xin xét xử vắng mặt.
- Ông Nguyễn Quang T, sinh năm: 1990.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Quang T: Bà Võ Thị Thu Vân, sinh năm: 1990, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ liên hệ: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện ông Nguyễn Quang T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bà Trần Thị Hoa trình bày:*

Nguyên thửa đất số 975, diện tích 1.110m², loại đất T (theo bản đồ 299/TTg), tờ bản đồ số 10, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi do cha ông là ông Nguyễn H đứng tên đăng ký kê khai, có nguồn gốc do ông bà nội ông tạo lập, lưu hạ lại. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất, vì vườn nhà ông thấp trũng, nước mưa không thoát được, gây ngập úng nên cha ông là ông Nguyễn H đã tự đào 01 mương thoát nước nhỏ (rộng khoảng 0,3m) dọc theo cạnh phía Tây và phía Bắc thửa đất số 975 để nước mưa chảy ra khỏi phạm vi thửa đất. Trên thực tế, đây là mương thoát nước cha ông tự đào trong vườn nhà, chỉ có nước đọng vào mùa mưa, không dùng vào việc tưới tiêu cho bất kỳ thửa đất nào. Phần diện tích đào mương do cha ông tự đào và bồi đắp, không có chủ sử dụng đất liền kề nào hiến đất làm mương thoát nước. Tại thời điểm đo đạc lập tờ bản đồ địa chính số 10 (theo Chỉ thị 299/TTg), phía Bắc thửa đất số 975 tiếp giáp với thửa đất số 900, diện tích 1.306m², loại đất Lúa và thửa đất số 903, diện tích 704m², loại đất Lúa; không tồn tại mương nước dọc theo cạnh phía Bắc thửa đất số 975 nêu trên.

Đến năm 1998, theo Bản đồ địa chính đo đạc thì thửa đất số 975 (theo Chỉ thị 299/TTg) biến động thành thửa đất số 138, diện tích 1.010m², tờ bản đồ số 26, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Hộ ông Nguyễn H cha ông Nguyễn Quang T được Ủy ban nhân dân huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 04772 QSDĐ/287/QĐ-UB ngày 24/8/1998 đối với thửa đất số 138, diện tích 1.010m², tờ bản đồ số 26, xã T, huyện S. Vào thời điểm được cấp Giấy chứng nhận, hộ ông Nguyễn H gồm có 7 thành viên: Nguyễn H, Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Quang T, Nguyễn Quang B, Nguyễn Quang T,

Nguyễn Quang T. Tại trang 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vừa nêu thể hiện hình thể thửa đất số 138 ở phía Bắc thửa đất không giáp ranh ruộng nước nhưng vì diện tích của thửa đất số 138 giảm 100m² so với diện tích cha ông đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg nên cho ông nhiều lần gửi đơn khiếu nại đến Ban địa chính xã T và UBND huyện S nhưng đến khi cha ông qua đời thì khiếu nại vẫn chưa được giải quyết. Trong quá trình hộ gia đình cha ông quản lý, sử dụng đất, Nhà nước không có dự án xây công trình thủy lợi và cũng không ban hành quyết định thu hồi đất để làm công trình thủy lợi.

Cha ông là ông Nguyễn H chết ngày 20/12/2011 và mẹ bà Nguyễn Thị X chết ngày 02/4/2019. Đến ngày 13/9/2020, gia đình tôi gồm tất cả các anh chị em đóng góp tiền chôn trù bê tông, xây dựng tường rào tại phía Bắc thửa đất số 138 của hộ gia đình ông thì đại diện Xóm 5, đại diện thôn T và chính quyền thôn đã đến tại thửa đất xác định mốc giới. Sau đó, các anh chị em ông tiến hành dựng 14 trụ bê tông, xây dựng tường rào bằng gạch tô xi măng cao 01m. Khi thợ xây dựng làm móng tường rào, ông không có mặt ở hiện trường, không tham gia vào việc chỉ ranh giới cũng như xác định mốc giới cho thợ xây dựng. Thế nhưng, ngày 30/11/2020, Ủy ban nhân dân xã T lại lập Biên bản số 06/BB-VPHC xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Quang T. Đến ngày 04/12/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Quang T với mức phạt chính là 15.000.000 đồng và buộc ông Nguyễn Quang T phải khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất, trả lại phần đất lấn, chiếm là không đúng quy định pháp luật. Từ ngày các anh chị em ông T xây dựng tường rào cho đến khi Chủ tịch UBND huyện S xử phạt vi phạm hành chính và ông nhận Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2187 thì ông không được UBND huyện S hay Chủ tịch UBND huyện S mời làm việc, yêu cầu viết bản tường trình hay giải thích về quyền được giải trình để ông T biết giải trình về hành vi vi phạm. Ông đã thực hiện việc khiếu nại Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 04/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nhưng đến ngày 13/05/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S đã ban hành Quyết định số 698/QĐ-UBND với nội dung: Bác nội dung đơn khiếu nại đề ngày 21/12/2020 của ông Nguyễn Quang T đối với Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 04/12/2020 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện:

- Hủy Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh

vực đất đai.

- Hủy Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quang T (địa chỉ: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện S).

** Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người bị kiện Chủ tịch UBND huyện S, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Phạm Đông trình bày:*

Diện tích đất 15m² (chiều dài 30m, chiều rộng 0,5m) do ông Nguyễn Quang T lấn, chiếm để dựng trụ bê tông, xây dựng tường rào nằm ở phía Bắc của thửa đất số 138 (đo đạc năm 1998) và cho rằng đất này có nguồn gốc là của cha, mẹ của ông T tạo lập là không có cơ sở. Bởi vì:

Theo kết quả làm việc với UBND xã T và kết quả xác minh thể hiện thửa đất số 138 có nguồn gốc là do ông, bà nội của ông Nguyễn Quang T tạo lập và nương thoát nước nằm ở phía Bắc của thửa đất số 138 được hình thành cùng thời điểm cha của ông Nguyễn Quang T đến thửa đất này để làm quán may và sau này làm nhà ở (tức khoảng năm 1972 - 1974). Diện tích đất nương này do các chủ sử dụng đất liền kề tự hiến và tự bồi đắp cho nước khỏi tràn vào đất của mình. Khi đo đạc, lập bản đồ giải thửa thực hiện theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ thì bề rộng của nương thoát nước chưa đủ 2m nên không thể hiện trên bản đồ.

Khi đo đạc, lập bản đồ địa chính xã T vào năm 1998, thì diện tích đất nương thoát nước nằm ở phía Bắc của thửa đất số 138 đã được thể hiện rõ trên bản đồ địa chính thuộc tờ bản đồ số 26, xã T, nay thuộc thửa đất số 157, loại đất DTL (đất thủy lợi) thuộc tờ bản đồ số 25, xã T (đo đạc năm 2018), do UBND xã T quản lý.

Thửa đất số 138 đã được cha của ông Nguyễn Quang T đăng ký kê khai và được UBND huyện S cấp Giấy CNQSD đất số 04772 QSDĐ/287/QĐ-UB ngày 24/8/1998 (do ông Nguyễn H đứng tên). Tại thời điểm đo đạc, lập hồ sơ, bản đồ địa chính, thì diện tích đất nương (đất thủy lợi) đã nằm ngoài diện tích đất, của thửa đất số 138. Sau khi được cấp Giấy CNQSD đất tại thửa đất số 138, thì hộ gia đình ông T không khiếu nại hoặc kiến nghị liên quan đến diện tích đất đã cấp Giấy CNQSD đất này.

Qua kiểm tra thực tế phía Tây và phía Bắc của thửa đất số 138 có con nương dùng để thoát nước của xóm 5, thôn T, xã T. Mặt khác, theo kết quả đo đạc thực tế, cạnh phía Tây và phía Đông của thửa đất số 138 tăng chiều dài và tăng diện tích đất so với số liệu đo đạc năm 1998.

Như vậy, diện tích đất 15m² do ông Nguyễn Quang T lấn, chiếm nêu trên là đất thủy lợi, do UBND xã T quản lý.

Do đó: Ông Nguyễn Quang T đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính lấn, chiếm ruộng (đất thủy lợi) thuộc tờ bản đồ số 26 (đo đạc năm 1998), nay thuộc thửa đất số 157, loại đất DTL, thuộc tờ bản đồ số 25 (đo đạc năm 2018) T, do UBND xã T quản lý với diện tích lấn, chiếm là 15m² (chiều dài 30m, chiều rộng 0,5m), dựng 14 trụ bê tông, xây dựng tường rào bằng gạch tô xi măng cao 01m. Hành vi của ông Nguyễn Quang T đã được UBND xã T phát hiện lập Biên bản vi phạm hành chính. Quá trình UBND xã T lập biên bản nói trên đối với ông T, UBND xã T đã giải thích cho ông Trong hiểu nội dung về việc lập biên bản, tuy nhiên ông T không đồng ý, không ký vào biên bản và không nêu ý kiến để UBND xã T ghi vào biên bản. Do đó, thấy vụ việc vượt thẩm quyền xử phạt của UBND xã T nên UBND xã đã lập Tờ trình, chuyển hồ sơ xử phạt đến Chủ tịch UBND huyện S. Sau khi xem xét toàn diện Chủ tịch UBND huyện đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 04/12/2020 là đúng hành vi vi phạm, đúng thẩm quyền, đúng nội dung và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục của pháp luật quy định.

Ông Nguyễn Quang T khiếu nại, yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện S về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Chủ tịch UBND huyện S đã thụ lý, giao nhiệm vụ cho T tra huyện thẩm tra, xác minh, tổ chức đối thoại và giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 13/5/2021 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Quang T, địa chỉ: xóm 5, thôn T, xã T, huyện S. Qua đó, bác nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Quang T đối với Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện S về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là đúng quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T trình bày:*

Vụ việc ông Nguyễn Quang T, UBND xã T đã mời và làm việc nhiều lần với hộ gia đình ông T. Mục đích: Trao đổi, động viên, giải thích theo các quy định của pháp luật để gia đình ông tự khắc phục và trả lại mặt bằng nguyên trạng như ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại phần đất đã lấn chiếm. Nhưng ông T và gia đình không chấp hành, do đó ngày 30/11/2020, UBND xã T lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Quang T. Xét thấy hành vi của ông T vượt quá thẩm quyền xử lý của Chủ tịch UBND xã T nên UBND xã đề nghị Chủ tịch UBND huyện xử phạt

theo quy định tại Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Đồng thời thời điểm lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T thì UBND xã phát hành thư mời hộ gia đình ông T và nhờ Ban thôn T đến tại nhà ở để gửi cho gia đình ông, tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính ngày 30/11/2020 ông T có mặt nhưng không ký biên bản đến ngày 03/12/2020 UBND xã mới lập biên bản giao, nhận Biên bản xử phạt vi phạm hành chính về đất đai cho ông T.

Về diễn biến quá trình hình thành thửa đất số 157, tờ bản đồ 25, diện tích 295,8m², loại đất: DTL (đất thủy lợi):

- Phần diện tích đất Thủy Lợi (mương) nằm phía Bắc giáp ranh với đất của hộ ông Nguyễn H (tại thửa đất số 138, tờ bản đồ số 26, diện tích 1010m², loại đất: T, xã T) được thể hiện trên bản đồ đo đạc năm 1996 là thể hiện riêng biệt không liên quan gì tới thửa đất số 138, tờ bản đồ số 26, diện tích 1010m², loại đất: T, xã T; Năm 1998 UBND huyện S cấp GCNQSD đất cho hộ ông Nguyễn H không cấp diện tích đất Thủy lợi (mương) cho hộ gia đình ông.

Năm 2018 Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường tỉnh Quảng Ngãi thực hiện đo đạc cấp đổi, cấp lại GCNQSD đất trên địa bàn xã T thì vị trí đất Thủy lợi (mương) được đo đạc thành thửa đất số 157, tờ bản đồ 25, diện tích 295,8m², loại đất: DTL (đất thủy lợi).

Tại thời điểm gia đình ông T xây dựng tường rào lấn ra đất Thủy lợi (mương) thì UBND xã đã nhiều lần làm việc với gia đình ông. Theo đó, đất mương do UBND xã T quản lý, không thuộc đất hợp pháp của gia đình ông.

Do đó, đối với vụ việc của ông Nguyễn Quang T khởi kiện tại Tòa án tỉnh đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng pháp luật.

**Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang B, Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị Tuyết S, Nguyễn Quang T đều trình bày: Thông nhất như nội dung ông T khởi kiện.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2022/HC-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 12 Luật đất đai năm 2013; Điều 6, khoản 2 Điều 38, các Điều 54, 57, 58, 66, 67, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 4, điểm a khoản 4, khoản 7 Điều 14, Điều 38, Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất

đai; các Điều 18, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T:

- Hủy Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Hủy Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quang T (địa chỉ: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện S).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25, 26 tháng 7 năm 2022, người khởi kiện ông Nguyễn Quang T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Quang B có đơn kháng cáo có cùng nội dung: Đề nghị Tòa phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Quang T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Quang T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang B, bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Quang T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Thửa đất 138, tờ bản đồ 26 được UBND huyện S cấp cho hộ ông Nguyễn H ngày 24/8/1998 diện tích 1010m² loại đất T; mương thoát nước là do ông Nguyễn H tạo nên, toàn bộ diện tích mương thoát nước không nằm trong diện tích đất được cấp 1010m², khi cấp ông H có biết và đã khiếu nại nhưng không được giải quyết; đề nghị sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện theo ủy quyền UBND huyện S và UBND xã T trình bày: Các Quyết định hành chính mà người khởi kiện yêu cầu hủy là đúng; đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm như sau: Về việc chấp hành pháp luật: Tòa án phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng các quy định của luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T là đúng pháp luật, ông T và những người liên quan kháng cáo nhưng không có chứng cứ gì mới; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác

toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện và người liên quan giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Quang T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết S, ông Nguyễn Quang T, ông Nguyễn Quang B; thấy:

Nguồn gốc thửa đất số 138 là do ông, bà nội của ông T tạo lập, lưu hạ cho cha mẹ ông Nguyễn Quang T là ông Nguyễn H, bà Nguyễn Thị X. Khoảng năm 1972-1974, cha ông Nguyễn Quang T đến thửa đất 138 để làm quán may và sau này là làm nhà ở, cha ông T có bồi đắp nền quán cao hơn so với mặt đất tự nhiên. Về mương thoát nước nhỏ theo cạnh phía Tây để thoát nước về phía Bắc của thửa đất số 138, diện tích mương thoát nước này (có chiều rộng từ 0,3 đến 0,5m, chiều dài hơn 30m) là do các chủ sử dụng liền kề trong đó có hộ ông Nguyễn H tự hiến và bồi đắp cho nước khỏi chảy vào đất mình (Bút lục 104, 101, 96). Kê khai theo Chỉ thị 299/TTg ông Nguyễn H được đăng ký đối với thửa đất 975 (nay là thửa đất 138, tờ bản đồ 26), tờ bản đồ 10, xã T (Bút lục 149-151) diện tích 1.010m²; hộ ông Nguyễn H vào ngày 24/8/1998 đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 138, diện tích 1.010m², loại đất T, tờ bản đồ số 26, xã T; tại phiên tòa ông Nguyễn Quang T thừa nhận toàn bộ diện tích của mương thoát nước không nằm trong GCN đã cấp cho hộ ông Nguyễn H. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn H (cha ông T) không khiếu nại, thắc mắc gì về diện tích được cấp và sử dụng ổn định đối với phần diện tích đất mương thoát nước chung; tại phiên tòa ông T trình bày ông Nguyễn H có khiếu nại nhưng không được giải quyết nhưng không có chứng cứ gì chứng minh. Năm 2018, thực hiện lại bản đồ địa chính khu vực xã T do Trung tâm trắc địa môi trường tỉnh Quảng Ngãi đo vẽ thì diện tích đất mương thoát nước nằm ở phía bắc thửa 138, thuộc thửa đất số 157 có diện tích 295,8m², loại đất ĐTL (đất thủy lợi) do UBND xã T quản lý. Ngày 29/9/2020 ông Nguyễn Quang T thực hiện hành vi chôn trụ bê tông (14 trụ), xây dựng tường rào (cao 1,3m) trên diện tích đất mương thoát nước, tờ bản đồ địa chính số 25, xã T do UBND xã T quản lý; tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 20/4/2020 (BI205) thể hiện số lượng trụ bê tông 14 trụ và tường rào xây cao 1,3m. Việc ông T lấn chiếm diện tích mương thoát nước (diện tích 15m², chiều dài 30m, chiều rộng 0.5m) thuộc thửa đất 157 nói trên để xây dựng tường rào là chưa phù hợp với dòng chảy của

mường thoát nước hiện nay, nên các hộ dân liền kề có kiến nghị yêu cầu UBND xã T xử lý. Do đó, UBND xã T lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính vào ngày 30/11/2020 và Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 04/12/2020 về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nguyễn Quang T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện ông Nguyễn Quang T là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm người khởi kiện ông T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang B, ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Tuyết S kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Người khởi kiện ông Nguyễn Quang T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang B, ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 12 Luật đất đai năm 2013; Điều 6, khoản 2 Điều 38, các Điều 54, 57, 58, 66, 67, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 4, điểm a khoản 4, khoản 7 Điều 14, Điều 38, Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; các Điều 18, 27, 28, 29, 30 và Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Quang T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang B, ông Nguyễn Quang T, bà Nguyễn Thị Tuyết S; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2022/HC-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T:

- Hủy Quyết định số 2187/QĐ-XPVPHC ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh

vực đất đai.

- Hủy Quyết định số 698/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Quang T (địa chỉ: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện S).

2. Về án phí hành chính:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện ông Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000656 ngày 11/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

2.2 Án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện ông Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003233 ngày 08/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Quang T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

2.3 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Quang B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003231 ngày 08/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ông Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003230 ngày 08/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003232 ngày 08/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ông B, ông T, bà S đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

(Đã ký)

Lê Phước Thanh

Trương Công Thi

Trương Minh Tuấn